TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13-LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/HS-ST
Ngày: 26- 08 -2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13-LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thảo
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Ngọc Đổi
2. Bà Phạm Thị Bích Lệ

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Thành–Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13-tỉnh Lâm Đồng

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13-Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Thủy–Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 13-Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2025/TLHS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2025, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn T, sinh ngày 15 tháng 3 năm 1991, tại tỉnh Bình Thuận; hộ khẩu thường trú: Tổ E, xã P, tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú hiện nay: Thôn T, xã H, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính:Nam; tôn giáo:Không; quốc tịch:Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1971và con bà Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1970; bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 3 anh chị em; có vợ là Lê Thị Hồng K, sinh năm 1992 và con sinh năm 2013tiền án: Không; tiền sự: Tại Quyết định số 08/QĐ-XPHC ngày 14/10/2024 Ủy ban nhân dân xã H ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi trộm cắp (chưa nộp phạt). Nhân thân: Ngày 26/3/2025 Ủy ban nhân dân xã P Quyết định số 49/QĐ-UBND về việc áp dụng biện pháp quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

-*Người bị hại*: Nguyễn Ngọc Cẩm V, sinh năm 2001(vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại: bà Lê Thị Cẩm L, sinh năm 1974(có mặt).

Cùng nơi cư trú: Thôn T, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

-*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Nguyễn Văn T2, năm 1989 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn B, xã B, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 7 giờ ngày 24/3/2025, Nguyễn Văn T thuê xe máy của Nguyễn Văn T2 (xe đứng tên Trượng Minh Đ có biển số 85R6-5429) ở thôn B, xã P(nay là xã B) với giá 150.000 đồng và điều khiển từ nhà nội của T tại thôn T, xã P(nay là xã H) đến khu vực rẫy thuộc thôn T, xã H gom nhặt ve chai. Khi ngang qua chòi rẫy của Nguyễn Ngọc Cẩm V thấy chòi không ai trông coi nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, T lấy mỏ lết có quấn dây màu nâu đỏ bên ngoài do T mang theo đi vào chòi mở cánh cửa kéo, được 02 phút thì T mở được 1 cánh cửa kéo có chiều ngang 2,4m và chiều rộng của 2,58m , màu sơn xanh trắng làm bằng kim loại rồi kéo cụm lại cột đưa lên xe mô tô biển số 85R6-5429 chạy ra hướng Quốc lộ về vựa ve chai ở xã H bán thì bị nghi vấn đưa Nguyễn Văn T về trụ sở Công an xã H lấy lời khai và Nguyễn Văn T khai nhận hành vi nên chuyển về Công an xã H xử lý theo thẩm quyền.

Tại kết luận định giá tài sản số 13/2025/KL-HĐĐGTS ngày 23/5/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Cánh cửa trị giá 2.176.488 đồng.

Tang vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ tang vật là cánh cửa kéo hiệu Phát Tường chiều rộng 2,58 và dài 2,4m, kéo lại dày 12cm , lá dày 0,5cm màu sơn xanh trắng bằng kim loại và 1 chiếc xe mô tô biển số 85R6-5429 không nhãn hiệu và số loại, số máy VLF1P50FMG330035252, SỐ KHUNG VFCPGGOA3YFOOA806 và 1 cây mỏ lết thép, than cây mỏ lết có quấn dây màu nâu.

Về chiếc xe mô tô biển số 85R6-5429 Trượng Minh Đ thừa nhận đã bán và Nguyễn Văn T2 cho Nguyễn Văn T thuê không biết dùng vào việc phạm tội nên cơ quan điều tra không xử lý Nguyễn Văn T2 và trả lại xe cho T2.

Về dân sự: Tài sản sau khi định giá Cơ quan Điều tra đã giao trả lại đại diện bị hại nhận là bà Lê Thị Cẩm L và không yêu cầu bồi thường gì.

Tại cáo trạng số 63/CT –VKKV13 ngày 19/7/2025 Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13-Lâm Đồng truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện VKS thực hành quyền công tố sau khi phân tích hành vi tính chất phạm tội giữ nguyên truy tố bị cáo theo tội danh và điều, khoản mà Viện kiểm sát truy tố. Áp dụng tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo

thành khẩn khai báo và phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 06 tháng đến 01 năm tù về tội"Trộm cắp tài sản";Hình phạt bổ sung: không;Về xử lý tang vật chứng vụ án: Đề nghi áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị tịch thu tiêu hủy 1 cây mỏ lết có quấn dây màu nâu tiêu hủy;Về trách nhiệm dân sự: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]*Về hành vi, quyết định tố tụng*: Cơ quan Công an xã H, Điều tra viên, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13-Lâm Đồng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.Hội đồng xét xử đánh giá các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp và đúng pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn T2 và bị hại Nguyễn Ngọc Cẩm V nhưng Hội đồng xét xử xử vắng mặt là phù hợp quy định tại Điều 293 và 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015(BLTTHS).

[2]*Về cấu thành tội phạm*: Bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận hành vi như cáo trạng nêu. Đối chiếu lời khai của bị cáo, đại diện bị hại tại phiên tòa với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn T2 có trong hồ sơ vụ án tại các Bút lục (Bút lục 76-78), kết luận định giá số 13/2025/KL-HĐĐG ngày 24/3/2025, biên bản xác nhận tang vật(BL 30), kết luận điều tra số 425/BKL-VPCQCSĐT ngày 27/6/2025(BL 81-82), đơn báo mất tài sản của đại diện bị hại (BL 71), biên bản kiểm tra xác định nơi xảy ra vụ việc và biên bản xác định hiện trường (BL 38-43), biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu (BL 44-47) và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở kết luận vào lúc 7 giờ 00 ngày 24/3/2025, bị cáo Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô 85R6-5429 vào chòi rẫy của Nguyễn Ngọc Cẩm V do bà Lê Thị Cẩm L trông coi.Lợi dụng không có người tại chòi, bị cáo dùng mỏ lết mang theo tháo cánh cửa chòi được làm bằng kim loại dài 2,4m và rộng 2,58m, loại cửa kéo được sơn màu trắng xanh, hiệu Phát Tường, cuốn lại đưa lên xe mô tô chở đi bán bị phát hiện. Trị giá cánh cửa bị cáo Nguyễn Văn T chiếm đoạt của Nguyễn Ngọc Cẩm V là 2.176.488 đồng đã phạm vào tội " trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3]*Về tính chất hành vi tội phạm của bị cáo:* Trong quá trình gom nhặt ve chai, bị cáo thấy chòi rẫy của Nguyễn Ngọc Cẩm V không người trông coi

nên nảy sinh ý định trộm cắp, bị cáo mang theo mỏ lết lén lút vào chòi tháo gỡ cánh cửa chòi của bị hại mục đích bán lấy tiền tiêu xài. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân. Bị cáo nhận thức được tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ nhưng vì tham lam, lười lao động, muốn có tiền tiêu xài nên đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo gây lo lắng người dân không yên tâm lao động sản xuất và ảnh hưởng tình hình trị an tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm minh. Bản thân bị cáo không có ý thức chấp hành pháp luật, bị đã bị UBND xã H ra Quyết định xử phạt hành chính nhưng không nộp phạt và tiếp tục thực hiện hành vi tội phạm chứng tỏ xem thường pháp luật và tài sản người khác. Ngoài ra bản thân bị cáo nghiện ma túy đã bị UBND xã P Quyết định quản lý ngày 26/4/2025 nên cần xử các bị cáo mức án nghiêm khắc và cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để bị cáo cải tạo bản thân trở thành công dân sống có ích cho xã hội đồng thời răn đe và phòng ngừa tội phạm hiện nay.

[4]*Tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*:

[4.1]*Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo Nguyễn Văn T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4.2]*Về tính tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Bị cáo Nguyễn Văn T thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi lượng hình.

[5] *Đối với tranh luận và lời nói sau cùng của bị cáo tại phiên tòa*: Bị cáo không tranh luận gì thêm thống nhất luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

[6] *Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát* về áp dụng điều luật, tội danh, mức hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như biện pháp tư pháp đối với bị cáo Nguyễn Văn T là phù hợp Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]*Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại Nguyễn Ngọc Cẩm V do người đại diện đã nhận lại tài sản, tại phiên tòa không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm Hội đồng xét xử không xét.

[8]*Về xử lý vật chứng*: +Đối với cánh cửa bị cơ quan điều tra đã thu hồi giao lại cho đại diện bị hại và chiếc xe mô tô biển số 85R6-5429 của Nguyễn Văn T2 cho bị cáo thuê sử dụng nhưng bị cáo dùng vào việc phạm tội, Nguyễn Văn T2 không biết nên không xử ký T2 và cơ quan Điều tra đã trả lại xe cho T2 là có căn cứ được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

+Đối với 1 cây mỏ lết có quấn dây màu nâu là công cụ dùng vào việc phạm tội không còn giá trị nên tịch thu tiêu hủy theo điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[9]*Về án phí*: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 của UBTVQH 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 46; Điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Điều 106; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản"

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 01(Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Tịch thu tiêu hủy:1 cây mỏ lết có quấn dây màu nâu (đã chuyển kho phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 13-Lâm Đồng).

Xử buộc: Bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000đ tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai, bị cáo, đại diện bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ.

Thành viên hội đồng xét xử **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**